

HƯỚNG DẪN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO THÔNG TƯ 12/2017/TT-BGDĐT

TIÊU CHUẨN 20: HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Giải thích:

Các đối tác và hợp tác nghiên cứu khoa học là cánh tay nối dài của cơ sở giáo dục đại học; có thể bổ sung cho các hoạt động của nghiên cứu và hỗ trợ để khắc phục những tồn tại trong nghiên cứu của cơ sở giáo dục. Các đối tác và hợp tác nghiên cứu khoa học cần hỗ trợ cho tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục và gia tăng giá trị của các mối quan hệ.

Tiêu chí	20.1	20.2	20.3	20.4
Phân loại	P	D	C	A
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	TC 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.	TC 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.	TC 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.
Mô tả yêu cầu của tiêu chí theo công văn 1668 (2)	Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	1. Triển khai được các chính sách thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu. 2. Triển khai được các quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.	1. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được xây dựng. 2. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện..	Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.
Mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4 theo công văn 1668 (3)	1. Có quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu. 2. Có chiến lược phát triển hợp tác, đối tác; các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của CSGD. 3. CSGD có các quy định, hướng dẫn, phổ biến thực hiện; có phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, cá nhân, có kết nối giữa các bộ phận đầu mối và các khoa, phòng trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác. 4. CSGD có các KPIs cho các chiến lược, kế hoạch tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH.	1. Triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác để đạt được các KPIs cụ thể. 2. Lựa chọn các đối tác và hợp tác NCKH phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD. 3. Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu theo các hình thức đa dạng, cách thức phù hợp. 4. Đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác. 5. Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về NCKH. 6. Có các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức với các đối tác trong và ngoài nước.	1. Có bộ phận/nhân sự và quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH. 2. Tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể (theo giai đoạn, giữa giai đoạn) làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược. 3. Rà soát, đánh giá tính hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác (trong đào tạo, trong NCKH) và từ các đối tác ít nhất 01 lần trong chu kỳ đánh giá.	1. Thực hiện cải thiện các mối quan hệ trong NCKH, lựa chọn lại các đối tác sau rà soát để đạt được hiệu quả từ những hoạt động hợp tác, phát triển đối tác của CSGD. 2. CSGD gia tăng được các mối quan hệ hợp tác và đối tác (các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và có thêm các đối tác xướng tầm). 3. Kết quả của các hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của CSGD đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu. 4. Các hoạt động hợp tác và đối tác của CSGD làm gia tăng các nguồn lực cho CSGD (nhân lực, tài lực).
Gợi ý nguồn minh chứng theo công văn 1668 (4)	- Văn bản về chiến lược, kế hoạch phát triển hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu*. - Văn bản quy định cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của CSGD và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động hợp tác phát triển*. - Thống kê về các đoàn ra, đoàn vào trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, các CTĐT liên kết quốc tế*. - Các báo cáo sau khi đi công tác nước ngoài. - Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD*. - Hợp đồng/biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác của CSGD với các CSGD/tổ chức quốc tế.	- Các kế hoạch hoạt động hợp tác phát triển hằng năm; các minh chứng triển khai các hoạt động theo kế hoạch*. - Thống kê về các đoàn ra, đoàn vào trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (có liên quan đến các dự án hợp tác nghiên cứu), các CTĐT liên kết quốc tế. - Thống kê nguồn kinh phí thu hoặc bằng kê các trang thiết bị nghiên cứu mới được đầu tư trong các hoạt động hợp tác quốc tế (trao đổi khoa học/sinh viên, liên kết đào tạo quốc tế, đề tài khoa học, dự án, ...) trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*. - Thống kê các hợp đồng hợp tác NCKH và công nghệ trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. - Thống kê danh mục trích ngang các công trình (sách, bài báo, ...) công bố chung. - Thống kê về các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức (tên, thời gian, địa điểm, đối tác, kinh phí phân bổ hai bên)*. - Các báo cáo hội nghị/hội thảo, tổng kết hoạt động	- Văn bản quy định về hệ thống rà soát tính hiệu quả*. - Các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác*. - Dữ liệu khảo sát, đánh giá gốc và báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá về các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác*. - Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD.	- Các văn bản về chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hợp tác*. - Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD*.

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	20.1	20.2	20.3	20.4
Phân loại	P	D	C	A
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	TC 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.	TC 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.	TC 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.
		hợp tác nghiên cứu hằng năm của CSGD. - Hợp đồng/biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác của CSGD với các CSGD/tổ chức quốc tế*.		
Văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GDĐT, đơn vị chủ quản và văn bản của nhà trường mà chuyên gia cần tham chiếu (5)	- Các Bộ: Quy định của Bộ GDĐT về Công tác quản lý người nước ngoài đến làm việc và học tập tại Trường; Thông tư 56/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 Quy định quản lý nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về KHCN cấp bộ; Quy định của Bộ Nội vụ về Quy chế quản lý công tác HTQT (QĐ số 1991/QĐ-BNV ngày 29/12/2015) - Nhà trường: Hướng dẫn/quy định/quy chế về quản lý hoạt động NCKH của Trường; Các quy định/hướng dẫn về tổ chức hội thảo; Quy chế chi tiêu nội bộ; Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH của giảng viên...; Quy chế tổ chức hoạt động HTQT của Trường	- CP: NĐ 99/2014/NĐ-CP Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các CS GDDH - Bộ GD&ĐT: Thông tư 22/2011/TT-BGDĐT Quy định về hoạt động KHCN trong các CS GDDH; Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT Quy định chế độ làm việc của GV cơ sở giáo dục đại học. - Nhà trường: Hướng dẫn/quy định/quy chế về quản lý hoạt động NCKH của Trường; Các quy định/hướng dẫn về tổ chức hội thảo; Quy chế chi tiêu nội bộ; Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH của giảng viên...; Quy chế tổ chức hoạt động HTQT của Trường	- CP: NĐ 99/2014/NĐ-CP Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; - Bộ GD&ĐT: Thông tư 22/2011/TT-BGDĐT Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các CS GDDH; Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học. - Nhà trường: Hướng dẫn/quy định/quy chế về quản lý hoạt động NCKH của Trường; Các quy định/hướng dẫn về tổ chức hội thảo; Quy chế chi tiêu nội bộ; Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH của giảng viên...; Quy chế tổ chức hoạt động HTQT của Trường	- CP: NĐ 70/2018/NĐ-CP Quy hoạch việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước - Các Bộ: Quy định của Bộ GDĐT về Công tác quản lý người nước ngoài đến làm việc và học tập tại Trường; Quy định của Bộ Nội vụ về Quy chế quản lý công tác HTQT (QĐ số 1991/QĐ-BNV ngày 29/12/2015) - Nhà trường: Hướng dẫn/quy định/quy chế về quản lý hoạt động NCKH của Trường; Các quy định/hướng dẫn về tổ chức hội thảo; Quy chế chi tiêu nội bộ; Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH của giảng viên...; Quy chế tổ chức hoạt động HTQT của Trường
Thông tin hỗ trợ đánh giá (từ dữ liệu Báo cáo Tự đánh giá và các Bảng biểu do Nhà trường và Trung tâm KĐCLGD cung cấp) (6)	- Sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. - Dữ liệu thống kê số lượng đối tác có ký kết hợp tác; số đối tác có triển khai hợp tác theo ký kết, đã có sản phẩm.	- Dữ liệu thống kê số lượng đối tác có ký kết hợp tác; đối tác có hợp tác triển khai và đã có sản phẩm - Thống kê các sản phẩm NC: bài báo, công bố, sản phẩm hợp tác nghiên cứu với đối tác - Dữ liệu thống kê về đầu tư (số tiền) cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác.	- Dữ liệu thống kê số lượng, thành phần đối tác có ký kết hợp tác; đối tác có hợp tác triển khai và đã có sản phẩm - Thống kê các sản phẩm NC: bài báo, công bố, sản phẩm hợp tác nghiên cứu với đối tác - Dữ liệu thống kê về đầu tư (số tiền) cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác; về cơ sở vật chất, trang thiết bị là sản phẩm từ hợp tác nghiên cứu - Dữ liệu thống kê về GV, cán bộ KH, người học được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ qua các hoạt động hợp tác nghiên cứu	- Dữ liệu thống kê số lượng, thành phần đối tác có ký kết hợp tác; đối tác có hợp tác triển khai và đã có sản phẩm - Thống kê các sản phẩm NC: bài báo, công bố, sản phẩm hợp tác nghiên cứu với đối tác - Dữ liệu thống kê về đầu tư (số tiền) cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác; về cơ sở vật chất, trang thiết bị là sản phẩm từ hợp tác nghiên cứu - Dữ liệu thống kê về GV, cán bộ KH, người học được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ qua các hoạt động hợp tác nghiên cứu
Rubric Indicators Các câu hỏi chẩn đoán ứng với mô tả tiêu chí (thiết kế theo P-D-C-A) (7)	1. Mục tiêu/mục đích nghiên cứu khoa học của Nhà trường được xác định là gì, thể hiện ở đâu - trong những văn bản nào? 2. Nhà trường có quy định lựa chọn đối tác, quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu không? 3. Mục đích nghiên cứu và thiết lập quan hệ hợp tác trong nghiên cứu có phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường không? 4. Nhà trường có chiến lược phát triển hợp tác, đối tác; các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn không?	1. Nhà trường đã triển khai những hoạt động nào theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác để đạt được các KPIs cụ thể? 2. Nhà trường lựa chọn các đối tác và hợp tác NCKH dựa trên những căn cứ nào? Có phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường không? 3. Nhà trường có những hoạt động, biện pháp nào đã thực hiện để thúc đẩy các quan hệ hợp tác; Nhà trường có hợp tác nghiên cứu nào đã và đang triển khai không? 4. Đánh giá những hoạt động thúc đẩy hợp tác và hợp tác nghiên cứu về sự đa dạng hình thức, phù hợp với điều kiện, bối cảnh của Nhà trường.	1. Nhà trường có triển khai rà soát hiệu quả của các hợp tác trong NCKH không? Nếu có, bao nhiêu lần rà soát, đánh giá/lần, lần gần nhất vào khi nào? 2. Nhà trường có bộ phận/nhân sự và quy trình thực hiện rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH không? 3. Nhà trường tổ chức thực hiện việc rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể (theo giai đoạn, giữa giai đoạn) như thế nào? Những bộ phận nào tham gia trong quá trình rà soát với nhiệm vụ tương ứng là gì?	1. Số lượng, thành phần đối tác và quan hệ trong NCKH sau khi rà soát có được cải thiện không? 2. Tiêu chí lựa chọn đối tác có thay đổi gì sau rà soát? 3. Các đối tác mới, hoặc tiêu chí lựa chọn đối tác mới có giúp Nhà trường đạt được hiệu quả từ những hoạt động hợp tác, phát triển đối tác? 4. Kết quả của các hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của Nhà trường có đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu không? 5. Nguồn lực từ hoạt động hợp tác và đối tác có được gia tăng không? (số kinh phí thu được; số

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	20.1	20.2	20.3	20.4
Phân loại	P	D	C	A
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	TC 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.	TC 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.	TC 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.
	5. Nhà trường có quy định, hướng dẫn công tác quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác không? Nếu có, Nhà trường có triển khai phổ biến thực hiện các quy định, hướng dẫn về quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác đó không? 6. Nhà trường có phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, cá nhân, có kết nối giữa các bộ phận đầu mối và các khoa, phòng trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác không? 7. Nhà trường có chỉ tiêu, KPIs cho các chiến lược, kế hoạch tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH không?	5. Đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác. 6. Nhà trường đã triển khai những hoạt động nào thể hiện có đầu tư cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác? 7. Nhà trường đã triển khai những hoạt động nào nhằm thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về NCKH. 8. Nhà trường đã tổ chức các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức với các đối tác trong và ngoài nước nào trong chu kỳ đánh giá (5 năm)?	4. Nhà trường có sử dụng kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược không? 5. Hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác (trong đào tạo, NCKH) là gì? (cơ sở vật chất/hạ tầng, trang thiết bị/máy móc, trình độ chuyên môn của GV, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý được nâng lên sau hợp tác v.v...)	cán bộ khoa học, sinh viên được bồi dưỡng nâng cao trình độ...)
Evidences Tên các minh chứng ứng với phần trả lời câu hỏi chẩn đoán <i>(liệt kê tên, và nên có file MC kèm theo)</i> (8)	<ul style="list-style-type: none"> Bản copy biên bản ghi nhớ hợp tác với đối tác Bản copy các hợp đồng/thỏa thuận hợp tác Các tài liệu trao đổi trong quá trình hợp tác (Thư bày tỏ/trao đổi mục đích...) Các tài liệu về Chiến lược phát triển hợp tác, đối tác. Các bản kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> Danh mục các hoạt động, sản phẩm của các hoạt động hợp tác quốc tế, hợp tác trong nghiên cứu như: <ul style="list-style-type: none"> + Danh mục đối tác ký MOU; đối tác đang triển khai hợp tác + Danh mục đoàn ra, đoàn vào + Danh mục giảng viên quốc tế; sinh viên quốc tế + Danh mục hội thảo/hội nghị trong nước, quốc tế đã tổ chức có sự tham gia của đối tác... + Danh mục sản phẩm có hợp tác với đối tác (danh mục bài báo quốc tế, bài báo ISI, Sopus...) 	<ul style="list-style-type: none"> Sơ đồ tổ chức của Trường; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và các bộ phận chức năng (trong đó có chức năng rà soát hiệu quả của các hợp tác, đối tác Các quy trình xử lý công việc thuộc lĩnh vực KHCN và HTQT trong đó có quy trình rà soát hiệu quả của các hợp tác trong ĐT, NCKH Danh mục trang thiết bị, máy móc, hạ tầng cơ sở; danh mục giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, cán bộ quản lý được nâng cao năng lực... là sản phẩm của hợp tác trong ĐT, NCKH; số hội thảo trong quốc tế; số công bố quốc tế... 	<ul style="list-style-type: none"> Danh mục các đối tác mới sau rà soát Biên bản/hợp đồng hợp tác với đối tác mới Báo cáo tổng kết năm về công tác hợp tác phát triển Danh sách, các quyết định, chứng chỉ, bằng cấp của GV, cán bộ KH, người học được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ qua các hoạt động hợp tác nghiên cứu Danh mục thống kê cơ sở hạ tầng, thiết bị, máy móc (là sản phẩm từ các hoạt động hợp tác nghiên cứu) Danh mục hội thảo trong quốc tế; số công bố quốc tế...
Interview Phòng vấn các bên liên quan (Check các thông tin phục vụ trả lời cho câu hỏi chẩn đoán) (9)	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về định hướng phát triển hợp tác, đối tác phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường; Lãnh đạo bộ phận chức năng phụ trách lĩnh vực hợp tác quốc tế và KHCN về xây dựng tiêu chí lựa chọn hợp tác, đối tác; về quy trình thực hiện xây dựng nhiệm vụ hợp tác và KHCN phù hợp với mục tiêu nghiên cứu; hiệu quả của hợp tác phát triển và NCKH của Nhà trường; về chỉ tiêu, KPIs trong hợp tác phát triển và KHCN Giảng viên trong việc tham gia xây dựng mạng lưới đối tác, hợp tác trong hoạt động nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về các chính sách của Nhà trường đã xây dựng và thực hiện nhằm thúc đẩy hợp tác và nghiên cứu của Nhà trường. Lãnh đạo bộ phận hợp tác và NCKH về việc triển khai các chính sách thúc đẩy thúc đẩy hợp tác và nghiên cứu của Nhà trường. Giảng viên về những chính sách (có những chính sách nào, được tiếp cận như thế nào?) và hiệu quả trong việc thúc đẩy hợp tác và NC; những khó khăn, thuận lợi trong thực hiện việc hợp tác, NCKH hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về đánh giá hiệu quả các hợp tác và đối tác nghiên cứu mà Nhà trường đã và đang triển khai Lãnh đạo bộ phận chức năng (Phòng HTQT và Phòng KHCN) về hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu của Nhà trường Giảng viên/cán bộ khoa học về chất lượng các hợp tác và các đối tác trong nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về những cải thiện lớn trong hoạt động hợp tác quốc tế Lãnh đạo bộ phận chức năng (Phòng HTQT và Phòng KHCN) về các kết quả cụ thể được cải thiện trong hoạt động hợp tác, hợp tác nghiên cứu
Quan sát (Check các thông tin phục vụ trả lời cho câu hỏi chẩn đoán) (10)	<p>Thông tin trên website về các hoạt động hợp tác với các đối tác</p> <p>So sánh mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường với những hoạt động hợp tác và các đối tác hiện có của Nhà trường</p>	<p>Các báo cáo tổng kết năm, trong giai đoạn đánh giá (phần nội dung về hoạt động KHCN, hợp tác quốc tế)</p>	<p>Website của Nhà trường về các thông tin, bài viết về các hoạt động hợp tác nghiên cứu</p> <p>Các báo cáo tổng kết năm học, tổng kết theo giai đoạn của Nhà trường (có phần nội dung về hoạt động hợp tác quốc tế và NCKH)</p>	<p>Website của Nhà trường về các thông tin, bài viết về các hoạt động hợp tác nghiên cứu</p> <p>Các báo cáo tổng kết năm học, tổng kết theo giai đoạn của Nhà trường (có phần nội dung về hoạt động hợp tác quốc tế và NCKH)</p>

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	20.1	20.2	20.3	20.4
Phân loại	P	D	C	A
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	TC 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.	TC 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.	TC 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.
			Cảnh quan, các công trình, nhà/xưởng, phòng thí nghiệm, thiết bị (là sản phẩm của hợp tác nghiên cứu, nếu có)	Cảnh quan, các công trình, nhà/xưởng, phòng thí nghiệm, thiết bị (là sản phẩm của hợp tác nghiên cứu, nếu có)
Tiêu chí liên quan (chuyên gia xem xét các tiêu chí liên quan khác để check thông tin và điểm số) (11)	Tiêu chuẩn 1: 1.1, 1.3, 1.4, 1.5 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 23: 23.1, 23.3, 23.4, 23.5, 23.6	Tiêu chuẩn 1: 1.1, 1.3, 1.4, 1.5 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 23: 23.1, 23.3, 23.4, 23.5, 23.6	Tiêu chuẩn 1: 1.1, 1.3, 1.4, 1.5 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 23: 23.1, 23.3, 23.4, 23.5, 23.6	Tiêu chuẩn 1: 1.1, 1.3, 1.4, 1.5 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 23: 23.1, 23.3, 23.4, 23.5, 23.6
Kinh nghiệm trong quá trình ĐGN (12)	Phòng vấn cán bộ phụ trách bộ phận chức năng HTQT (trưởng phòng) và KHCN về các hợp tác cụ thể đã triển khai với các đối tác, các sản phẩm cụ thể	Xem xét những sản phẩm, kết quả của hợp tác và NC do chính sách cụ thể tương ứng mang lại	Phân tích sự biến thiên (tăng, giảm) của các số liệu thống kê: đoàn ra – đoàn vào; GV quốc tế, sinh viên quốc tế; công bố quốc tế có tác giả quốc tế; hội thảo quốc tế; CT đào tạo liên kết; giải thưởng KHCN	Phân tích sự biến thiên (tăng, giảm) của các số liệu thống kê: đoàn ra – đoàn vào; GV quốc tế, sinh viên quốc tế; công bố quốc tế có tác giả quốc tế; hội thảo quốc tế; CT đào tạo liên kết; giải thưởng KHCN... so với mục tiêu nghiên cứu của Nhà trường